

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Mỹ L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L có mặt; anh M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hà Thị Mỹ L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2016. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh M thường xuyên ăn nhậu, say xỉn, sống không chung thủy, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh M nhiều lần đánh chị, chị có khuyên nhủ nhưng anh M không thay đổi tính cách. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ tháng 3/2019 đến nay chị chuyển về nhà bố mẹ ruột ở. Cuộc

sống vợ chồng chị hiện nay không hạnh phúc, phần ai nấy sống. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 19/11/2015 và cháu Nguyễn Thị Như T2, sinh ngày 27/02/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, hiện cháu T2 đang sống cùng chị và giao cháu T2 hiện đang sống với anh M cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Tại bản tự khai đề ngày 22/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L có đăng ký kết hôn như nội dung chị L đã khai là đúng. Về mâu thuẫn gia đình vợ chồng không hợp nhau không có tiếng nói chung, chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2, sinh ngày 19/11/2015 (hiện cháu T2 đang sống với anh), và đồng ý giao cháu T1, sinh ngày 27/02/2018 (hiện cháu T1 đang sống cùng chị L) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Giao cháu T2, sinh ngày 19/11/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu T1, sinh ngày 27/02/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung các bên đương sự trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh ngày 22/5/2020 do UBND xã N cung cấp địa phương không rõ về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh M do không có đơn báo cáo địa phương. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh M đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, sống không hòa hợp, đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Tòa án mở phiên họp, hòa giải, xét xử anh M không đến Tòa án làm việc theo nội dung thông báo của Tòa án nhưng anh M có văn bản trình bày anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét mục đích hôn nhân giữa chị L và anh M không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh M theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Chị L và anh M đều trình bày có 02 con chung và thống nhất giao cháu T2, sinh ngày 19/11/2015 (hiện cháu T2 đang sống cùng anh M) cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T1, sinh ngày 27/02/2018 (hiện cháu T1 đang sống cùng chị L) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của chị L, anh M về việc nuôi con là phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận ý kiến anh, chị như trên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị L, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị L, anh M trình bày không có tài sản chung nên không giải quyết.

[2.5] *Về nợ chung:* Chị L, anh M trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.7] *Về án phí:* Căn cứ khoản điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Hà Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận chị Hà Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2/ Giao cháu T2, sinh ngày 19/11/2015 (hiện cháu T2 đang sống cùng anh M) cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu T1, sinh ngày 27/02/2018 (hiện cháu T1 đang sống cùng chị L) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị Hà Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M trình bày không có tài sản chung nên không giải quyết.

4/ Chị Hà Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

5/ Chị Hà Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0004407 ngày 19-5-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

